Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 29/04/2026 18:03:07 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5427/BTC-DNTN	*Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026*

V/v đăng ký thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài

Kính gửi:
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội;
- Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng;
- Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Đầu tư số 143/2025/QH15. Khoản 2 Điều 19 Luật này quy định: "Nhà đầu tư nước ngoài được thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư trước khi thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và phải đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 8 của Luật này khi thực hiện thủ tục thành lập tổ chức kinh tế".

Ngày 31/3/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 96/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 111 Nghị định này). Các khoản 1, 2, 3 Điều 72 Nghị định này quy định:

"1. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thành lập tổ chức kinh tế trước khi thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nước ngoài thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp hoặc pháp luật khác tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế.

Sau khi được thành lập, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và cam kết quốc tế có liên quan.

2. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước khi thành lập tổ chức kinh tế thì tổ chức kinh tế do nhà đầu tư nước ngoài thành lập là nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thành lập tổ chức kinh tế thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp hoặc pháp luật khác tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thành lập tổ chức kinh tế trước khi thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này, Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp bao gồm nội dung cam kết đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật".

Căn cứ các quy định nêu trên, Bộ Tài chính hướng dẫn về việc đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã) như sau:

1. Về hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã

1.1. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước khi thành lập tổ chức kinh tế

- Hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại các Điều 20, 21, 22 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (được sửa đổi, bổ sung tại các khoản 7, 8, 9 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15) và các khoản 2, 3, 4 Điều 24 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, trong đó bao gồm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Biểu mẫu đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh.

- Hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15, trong đó bao gồm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Biểu mẫu đăng ký hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

1.2. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thành lập tổ chức kinh tế trước khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã:

- Không bao gồm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 và khoản 3 Điều 72 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP (trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều 42 Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15).

- Giấy đề nghị đăng ký thành lập doanh nghiệp, giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã bao gồm nội dung cam kết của nhà đầu tư nước ngoài về việc đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 72 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP.

2. Về trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã

Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a và điểm b khoản 12 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15), Điều 41 và Điều 42 Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15.

3. Về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã quy định tại Điều 27 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 44 Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15.

Theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP và khoản 1, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP thì một trong những nguyên tắc áp dụng giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã là người thành lập doanh nghiệp, người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã tự kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ và các báo cáo. Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã quy định tại Điều 21 và Điều 22 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 và Nghị định số 96/2026/NĐ-CP không quy định Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét nội dung cam kết của nhà đầu tư nước ngoài về việc đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài tại thời điểm đăng ký thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài.

Bộ Tài chính đề nghị: (i) Quý Cơ quan nghiên cứu, thực hiện; (ii) UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sao gửi Văn bản này tới UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố để chỉ đạo Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nghiên cứu, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên (thay trả lời VB số 8297/STC-ĐKKD ngày 06/4/2026 của Sở Tài chính Tp. Hồ Chí Minh và VB số 4143/STC-DN&ĐKKD ngày 15/4/2026 của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Đức Tâm (để b/c);
- Các Đơn vị: Vụ PC, Cục ĐTNN;
- Lưu: VT, DNTN.

TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VÀ KINH TẾ TẬP THỂ

Bùi Anh Tuấn